

I. MA TRẬN HAI CHIỀU

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/ Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Đọc	Truyện truyền kì	2	2	1	40
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học	1*	1*	1*	20
		Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)	1*	1*	1*	40
Tổng			20%	40%	40%	100
Tỉ lệ chung			60%		40%	100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Truyện truyền kì	Nhận biết - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học; ngôi kể, lời kể, người kể chuyện, nhận biết cốt truyện. Thông hiểu - Nhận biết được từ Hán Việt trong câu văn cụ thể. Thông hiểu - Xác định, phân tích ngôi kể, người kể, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật ... - Tóm tắt các ý chính của một đoạn, nội dung văn bản... - Hiểu được nghĩa của từ Hán Việt trong một văn cảnh cụ thể. Vận dụng - So sánh nhân vật, văn bản,... - Liên hệ văn bản với bản thân, văn bản với bối cảnh,... - Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ, bài học...	2	2	1
2	Viết	Câu 1: Viết đoạn văn nghị luận văn học	Nhận biết - Xác định yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn nghị luận văn học. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận trong đoạn văn.	1*	1*	1*

			- Giới thiệu được nội dung cần bàn và mô tả được những dấu hiệu nghệ thuật trong đoạn ngữ liệu. - Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn nghị luận văn học. Thông hiểu: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, khái quát nội dung, cảm xúc chủ đạo của đoạn ngữ liệu. - Phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của ngữ liệu văn học. - Phân tích chủ đề, thông điệp, tình cảm, cảm xúc của người viết, ... - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. - Cảm nhận, đánh giá, liên hệ từ ý nghĩa của ngữ liệu văn học. - Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ, bài học...			
		Câu 2. Viết bài văn nghị luận xã hội - Bàn về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ tự nhiên)	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận xã hội. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề nghị luận và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận xã hội. Thông hiểu:			

		- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Trình bày được các giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Phương thức biểu đạt: Nghị luận kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Vận dụng các kĩ năng, thao tác lập luận một cách nhuần nhuyễn, linh hoạt. - Thể hiện sâu sắc quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.			
	Tổng điểm		2	4	4
	Tỉ lệ %		20%	40%	40%
	Tỉ lệ chung		60%		40%

III. ĐỀ

Trường: TH&THCS Ba Ngạc Họ và tên:		Ngày kiểm tra: Lớp: Buổi:	SBD:
Điểm	Lời phê của giáo viên	Người chấm bài (Ghi rõ họ và tên) Nguyễn Thị Thu Hằng	Người coi kiểm tra (Ghi rõ họ và tên)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Học sinh làm bài ngay trên tờ giấy này

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

(Tóm tắt phần đầu: Nguyễn Sinh người Thanh Trì, diện mạo đẹp đẽ, tư chất thông minh, giọng hát ngọt ngào. Chàng sớm mồ côi cha, nhà nghèo nên học hành dang dở, chàng làm nghề chèo đò. Vì say đắm giọng hát và vẻ ưa nhìn của chàng nên cô con gái một nhà giàu họ Trần đã đem lòng yêu mến, sai người hầu đem khăn tay đến tặng, dẫn chàng nhờ người mối manh đến hỏi. Nguyễn Sinh nhờ mẹ bảo người mối manh đến nhà nàng nhưng bố nàng chê chàng nghèo nên không nhận lời, còn dùng lời lẽ không hay để mắng bà mối. Chàng phấn chí bỏ đi xa để lập nghiệp; cô gái biết chuyện âm thầm đau khổ chẳng thể giải bày cùng ai, dần sinh bệnh, hơn một năm sau thì nàng qua đời.)

Trước khi nhắm mắt, nàng dặn cha:

- Trong ngực con chắc có một vật lạ. Sau khi con nhắm mắt, xin cha cho hỏa táng để xem vật đó là vật gì?

Ông làm theo lời con. Khi lửa thiêu đã lụi, ông thấy trong nắm xương tàn, sót lại một vật, to bằng cái đầu, sắc đỏ như son, không phải ngọc cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ. Nhìn kĩ thì thấy trong khối ấy có hình một con đò, trên đò một chàng trai trẻ tuổi đang ngả đầu tựa mái chèo nằm hát. Nhớ lại việc nhận duyên trước kia của con, ông chợt hiểu ra vì chàng lái đò mà con gái ông chết, hỏi thì không kịp nữa. Ông bèn đóng một chiếc hộp con, cất khối đỏ ấy vào trong, đặt lên giường của con gái.

Nguyễn Sinh bỏ nhà lên Cao Bằng làm khách của trấn tướng. Chàng vì hát hay nên được trấn tướng yêu quý. Hơn một năm sau, chàng dần dần có của nả, rồi lại mấy năm nữa tích cóp lại được hơn hai trăm lạng vàng. Chàng nghĩ: “Số vàng này đủ để chi dùng cho việc cưới xin”. Xong, chàng sửa soạn hành trang trở về. Đến nhà, chàng hỏi thăm ngay cô gái nọ. Được nghe tất cả đầu đuôi về nàng, chàng vô cùng đau đớn, vội sắm sửa lễ vật đến điều nàng. Khi chàng làm lễ xong, bố cô có mời chàng ở lại dùng cơm. Chàng xin ông cho xem vật đã được cất giấu trong hộp con. Ông mở hộp lấy ra đưa chàng. Chàng nâng niu cảm lấy,

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự - Ngôi kể: Ngôi thứ ba.	0,25 0,25
	2	- Theo đoạn trích, sau khi bố của cô gái không đồng ý mối duyên, chàng trai đã phần chí bỏ đi xa để lập nghiệp.	0,5
	3	- Từ Hán Việt: hỏa táng - Giải nghĩa: Hỏa táng là hình thức mai táng người chết bằng cách thiêu xác để lấy tro cốt đựng trong hũ, bình.	0,5 0,5
	4	- Chủ đề của văn bản: Qua câu chuyện tình yêu bi kịch của chàng trai và cô gái ở Thanh Trì, tác giả Vũ Trinh muốn thể hiện khát vọng tình yêu tự do của lứa đôi thời phong kiến và phê phán sự ngăn cản của gia đình đại diện cho sự phân biệt giàu nghèo trong xã hội xưa.	1,0
	5	- Suy nghĩ về khát vọng tình yêu trong xã hội phong kiến: + Khát vọng tình yêu là khát vọng chính đáng của con người ở mọi thời. Những đôi lứa sống trong xã hội phong kiến mong muốn tình yêu tự do, muốn vượt lên khỏi những ràng buộc của lễ giáo phong kiến như “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, “môn đăng hộ đối”,... + Tình yêu của nhiều cặp đôi vấp phải những sự ngăn cản, cấm đoán đến từ gia đình, xã hội. + Dù cho bị ngăn cản, nhưng những đôi lứa vẫn dành tình yêu trọn vẹn cho nhau, cái chết cũng không thể chia lìa tình yêu của họ.	1.0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về chi tiết: “ <i>Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bông khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng.</i> ”	2,0
		a. Yêu cầu về hình thức: - Trình bày đúng hình thức một đoạn văn nghị luận văn học về một chi tiết trong truyện, không tách dòng tùy tiện. - Dung lượng khoảng 5-7 câu. - Dùng từ, đặt câu chính xác; lập luận logic thuyết phục; không mắc lỗi chính tả, diễn đạt....	0.5
		b. Yêu cầu về nội dung: - Bài làm của học sinh có thể triển khai bằng nhiều cách nhưng cơ bản cần đảm bảo những nội dung sau: * Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. * Thân đoạn: Cảm nhận về ý nghĩa của chi tiết:	1.5

	+ Chi tiết kì ảo, gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc. + Chi tiết cho thấy nỗi đau đớn của chàng trai trước sự ra đi của cô gái. Giọt nước mắt của chàng trai là giọt nước mắt của sự thấu hiểu, của yêu thương và đau xót vô hạn khi người mình yêu vĩnh viễn ra đi. + Khối đỏ kia tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng đem đến liên tưởng cho người đọc về sự hóa giải oan tình, để người ra đi được thanh thản... * Kết đoạn: Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của chi tiết.	
2	Viết bài văn nghị luận bàn về giải pháp phù hợp để giảm thiểu rác thải nhựa trong trường học và các gia đình.	4.0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn Nghị luận về một vấn đề xã hội.</i> Bố cục 3 phần rõ ràng, cân đối, đảm bảo đúng chính tả ngữ pháp, dùng từ đặt câu.	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> bàn về giải pháp phù hợp để giảm thiểu rác thải nhựa trong trường học và các gia đình.	0,25
	<i>c. Yêu cầu về nội dung:</i> HS có thể làm theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau đây: I. Mở bài: - Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Nêu ý kiến khái quát về vấn đề. II. Thân bài 1. Giải thích vấn đề: - Rác thải nhựa là các sản phẩm làm từ nhựa không phân hủy hoặc phân hủy rất chậm trong môi trường tự nhiên. Chúng bao gồm túi nilon, chai nhựa, hộp nhựa, ống hút nhựa, đồ dùng một lần... 2. Phân tích vấn đề * Thực trạng: - Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi ngày Việt Nam thải ra khoảng 28.000 tấn rác thải nhựa, trong đó chỉ có khoảng 10% được tái chế. Phần lớn số còn lại bị chôn lấp hoặc thải ra môi trường, gây ô nhiễm đất, nước, không khí và đại dương. * Nguyên nhân: - Ý thức người dân: Nhiều người vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tác hại của rác thải nhựa và chưa có thói quen phân loại, xử lý rác đúng cách.	0,25 0,25 0,5 0,5

	- Quản lý lỏng lẻo: Việc quản lý rác thải nhựa ở nhiều nơi còn lỏng lẻo, thiếu các biện pháp chế tài đủ mạnh. - Sản xuất và tiêu dùng tràn lan: Các sản phẩm nhựa được sản xuất và tiêu thụ với số lượng lớn, trong khi các giải pháp thay thế còn hạn chế. * Hậu quả: - Môi trường: Rác thải nhựa gây ô nhiễm đất, nước, không khí, làm mất mỹ quan đô thị và nông thôn, phá hủy hệ sinh thái, đe dọa sự đa dạng sinh học. - Sức khỏe: Các chất độc hại trong nhựa có thể xâm nhập vào cơ thể con người qua đường hô hấp, tiêu hóa, gây ra nhiều bệnh nguy hiểm như ung thư, dị tật bẩm sinh, rối loạn nội tiết... - Kinh tế: Ô nhiễm rác thải nhựa gây thiệt hại lớn cho ngành du lịch, thủy sản và các ngành kinh tế khác. * Phản đối ý kiến trái chiều: - Một số người cho rằng việc giảm thiểu rác thải nhựa là không cần thiết vì nhựa mang lại nhiều tiện ích và việc thay thế nhựa bằng các vật liệu khác sẽ tốn kém hơn. -> Lợi ích ngắn hạn của nhựa không thể bù đắp cho những tác hại lâu dài mà nó gây ra. Việc đầu tư vào các giải pháp thay thế nhựa là cần thiết để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững. * Giải pháp: - Nâng cao nhận thức về tác hại của rác thải nhựa: + Tổ chức các buổi sinh hoạt, hội thảo, cuộc thi về môi trường để phổ biến kiến thức về tác hại của rác thải nhựa. + Sử dụng các phương tiện truyền thông như báo tường, trang web của trường, mạng xã hội để chia sẻ thông tin. - Thay đổi thói quen sử dụng đồ nhựa dùng một lần: + Hạn chế sử dụng túi nilon, ống hút nhựa, hộp xốp, chai nhựa dùng một lần. + Mang theo bình nước cá nhân, hộp cơm, túi vải khi đi học, đi làm, đi chợ. + Sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường như túi giấy, ống hút tre, hộp cơm inox. - Tái sử dụng và tái chế đồ nhựa: + Sử dụng lại chai nhựa, lọ thủy tinh để đựng nước, thực phẩm. + Tái chế vỏ chai nhựa, giấy báo, lon kim loại thành các sản phẩm thủ công, đồ dùng học tập.	1,0 0,5
--	--	-----------------------

	+ Tham gia các hoạt động thu gom và tái chế rác thải nhựa do trường học, địa phương tổ chức. - Trồng cây xanh: + Tham gia các hoạt động trồng cây xanh trong trường học, khu dân cư. + Chăm sóc cây xanh để chúng phát triển tốt, hấp thụ khí CO₂ và thải ra O₂, góp phần làm sạch không khí và giảm hiệu ứng. *Liên hệ bản thân: - Bản thân em đã từng tham gia nhiều hoạt động bảo vệ môi trường ở trường và luôn cố gắng áp dụng các biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong cuộc sống hàng ngày. Em tin rằng mỗi hành động nhỏ của mình đều có ý nghĩa và góp phần làm cho môi trường sống trở nên xanh, sạch, đẹp hơn. III. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề nghị luận -> Thông điệp.	0,25
	<i>d. Sáng tạo:</i> HS có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ; có cách trình bày, diễn đạt ấn tượng; bài viết sâu sắc.	0,25

DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Ba Ngạc, ngày 25 tháng 10 năm 2024

GIÁO VIÊN BỘ MÔN



Bùi Quang Hiến



Nguyễn Thị Thu Hằng

DUYỆT CỦA CHUYÊN MÔN TRƯỜNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đình Tâm